CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 89.TOP/EB/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

Địa chỉ: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.3995.8368 Fax: 028.3995.8423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm:** **KẸO XỐP - WAITROSE & PARTNERS**
2. **Thành phần:** Si rô glucose lúa mì, đường, nước, tinh bột bắp, gelatine bò, hương liệu tự nhiên, nước ép củ cải đỏ cô đặc.
3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 273 ngày kể từ ngày sản xuất
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 200 g
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong trong túi nhựa.
5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu):** TANGERINE CONFECTIONERY LTD, Beech Street, Liverpool, Merseyside, UK, L7 0HA (Anh)

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Xem bản đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu kim loại nặng:** Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chì (Pb)	mg/kg	0,5
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1

2. **Chỉ tiêu vi sinh vật:** Theo Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số No. 45373 Version 4 ngày 18 tháng 11 năm 2021.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	*E.coli*	CFU/g	10
2	Tổng số nấm men	CFU/g	100
3	Tổng số nấm mốc	CFU/g	100
4	*Eterobacteriaceae*	CFU/g	10
5	*Salmonella*	/25g	0

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thảo

Director - International Import

NHÃN PHỤ

KẸO XỐP - WAITROSE & PARTNERS

Thành phần: Si rô glucose lúa mì, đường, nước, tinh bột bắp, gelatine bò, hương liệu tự nhiên, nước ép củ cải đỏ cô đặc.

Thành phần dinh dưỡng (trên 100 g): Năng lượng 1400 kJ; chất béo <0,5 g trong đó chất béo bão hòa <0,1 g; chất bột đường 79,0 g trong đó đường 61,5 g; chất xơ 0,5 g; chất đạm 2,9 g; muối 0,02 g.

Khối lượng tịnh: 200 g

Dùng trực tiếp, bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: TANGERINE CONFECTIONERY LTD, Beech Street, Liverpool, Merseyside, UK, L7 0HA (Anh)

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB, 163 Phan Đăng Lưu, P. 1, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Không dùng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. Sản phẩm có chứa thành phần từ lúa mì, thịt bò.

Số TCB: 89.TOP/EB/2022

M.S.D.N: 0106696842 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

STORAGE: Store in a cool, dry place.

We're committed to bringing you the best quality. Should you not be happy with this product, please bring the packaging back to any Waitrose & Partners shop and we'll replace your item or refund you.

Produced for
Waitrose Limited
Bracknell Berkshire
RG12 8YA UK
waitrose.com

Don't Recycle

200g e

00320

5 000169 550793

WAITROSE
& PARTNERS

MARSHMALLOWS

Pink and white marshmallows.
No artificial colours and flavourings

INGREDIENTS: Wheat glucose syrup, **sugar**, water, maize starch, beef gelatine, **flavourings, beetroot juice (from concentrate)**

NUTRITION

TYPICAL VALUES AS SOLD	PER 100g	PER MARSHMALLOW
Energy kJ	1400	70kJ
Energy kcal	328	16
Fat	<0.5g	0.0g
of which saturates	<0.1g	0.0g
Carbohydrate	78.0g	3.9g
of which sugars	68.5g	3.4g
Fibre	0.5g	0.0g
Protein	2.8g	<0.5g
Salt	0.02g	0.0g

waitrose.com/nutrition

This pack contains approx. 26 servings
RI = % of your daily reference intake

BEST BEFORE END

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Chúng tôi là: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**

- Mã số doanh nghiệp: 0105696842
- Người đại diện: NGUYỄN THỊ THẢO
- Chức danh: Giám đốc - Nhập khẩu quốc tế
- Trụ sở: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện công ty chúng tôi đang tiến hành các thủ tục về tự công bố sản phẩm đối với sản phẩm **KẸO XỐP - WAITROSE & PARTNERS** do đơn vị chúng tôi nhập khẩu.

Kính mong quý cơ quan giải quyết hồ sơ tự công bố sản phẩm của chúng tôi theo quy định.

Trân trọng.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Nguyễn Thị Thảo

Director - International Import

STORAGE: Store in a cool dry place.
We are committed to bringing you the best quality. Should you not be happy with this product, please bring the packaging back to any Waitrose & Partners shop and we'll replace your item or refund you.
Produced for
Waitrose Limited
Bracknell Berkshire
RG12 8YA UK
waitrose.com
200g e
Don't Recycle
5 000169 550793
WAITROSE
& PARTNERS
MARSHMALLOWS
Pink and white marshmallows
No artificial colours and flavourings
INGREDIENTS: Wheat glucose syrup, sugar, water, maize starch, beef gelatine, flavourings, beetroot juice from concentrate
NUTRITION
TYPICAL VALUES AS SOLD
PER 100g
PER MARSHMALLOW
Energy (kJ) 1400 108
Energy (kcal) 329 25
Fat <0.5g 0.0g
of which saturates <0.1g 0.0g
Carbohydrate 78.0g 6.0g
of which sugars 61.5g 4.7g
Fibre 0.5g 0.0g
Protein 7.8g 0.5g
Salt 0.02g 0.0g
waitrose.com/nutrition
This pack contains approx. 26 servings
RI = % of your daily reference intake

STORAGE: Store in a cool dry place.

We are committed to bringing you the best quality. Should you not be happy with this product, please bring the packaging back to any Waitrose & Partners shop and we'll replace your item or refund you.

Produced for
Waitrose Limited
Bracknell Berkshire
RG12 8YA UK
waitrose.com

200g e

02.20

5 000169 550793

BẢO QUẢN: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát

Chúng tôi cam kết mang đến cho bạn chất lượng tốt nhất Nếu bạn không hài lòng với sản phẩm này, bạn có thể trả lại hộp tại bất kỳ cửa hàng Waitrose & Partners nào và chúng tôi sẽ đổi hàng hoặc hoàn lại tiền cho bạn

Sản xuất cho Waitrose Limited Bracknel Berkshire RG12 8 YA Anh Waitrose.com 200g e	Không tái chế

WAITROSE
& PARTNERS

MARSHMALLOWS

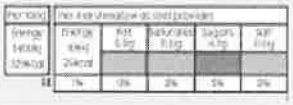

WAITROSE
& PARTNERS

KẸO XỐP

Mỗi 100g	Mỗi kẹo như được bán cung cấp				
Năng lượng 1400kj 329kcal	Năng lượng 106kJ 25kcal	Chất béo 0.0g	Bão hòa 0.0g	Đường 4.7g	Muối 0.0g
RI	1%	0%	0%	5%	0%

Pink and white marshmallows.

No artificial colours and flavourings

INGREDIENTS: Wheat glucose syrup, sugar, water, maize starch, beef gelatine, flavourings, beetroot juice from concentrate

NUTRITION

TYPICAL VALUES AS SOLD	PER 100g	PER MARSHMALLOW
Energy kj	1400	106
Energy kcal	329	25
Fat	<0.5g	0.0g
of which saturates	<0.1g	0.0g
Carbohydrate	79.0g	6.0g
of which sugars	61.5g	4.7g
Fibre	0.5g	0.0g
Protein	2.9g	<0.5g
Salt	0.02g	0.0g

waitrose.com/nutrition

This pack contains approx. 26 servings

RI = % of your daily reference intake

BEST BEFORE END

Kẹo xốp màu hồng và trắng
Không màu hay hương liệu nhân tạo

THÀNH PHẦN: Si rô glucose lúa mì, đường, nước, tinh bột bắp, gelatine (bò), hương liệu, nước ép củ cải đỏ cô đặc

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG		
Giá trị điển hình như được bán	Mỗi 100g	Mỗi kẹo
Năng lượng kj	1400	106
Năng lượng kcal	329	25
Chất béo	<0.5g	0.0g
Trong đó bão hòa	<0.1g	0.0g
Carbohydrates	79.0g	6.0g
Trong đó đường	61.5g	4.7g
Chất xơ	0.5g	0.0g
Protein	2.9g	<0.5g
Muối	0.02g	0.0g
Waitrose.com/nutrition		

Hộp này chứa khoảng 26 khẩu phần
RI =% lượng tham chiếu hấp thụ hàng ngày của bạn

HẠN SỬ DỤNG

I, NGUYEN VAN KIEN,
ID No. 122023008
Date of issue: March 20th, 2018, place of issue: Public Security of Bac Giang, undertake that I have translated accurately this document from English to Vietnamese.

Tôi, NGUYỄN VĂN KIÊN.
CMND số: 122023008
Cấp ngày: 20/03/2018 tại CA tỉnh Bắc Giang, tôi cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 30 tháng 03 năm 2022
March 30, 2022

Người dịch
(Translator)

NGUYỄN VĂN KIÊN
NGUYEN VAN KIEN

At The People's Committee of
District 10 - Ho Chi Minh City
I, Nguyễn Văn Thành
Deputy Head of Justice Division of District 10
CERTIFY
Mr. NGUYEN VAN KIEN
is the person who signed this Translation.

Tại Ủy ban nhân dân quận 10 – TP. Hồ Chí Minh
Tôi: Nguyễn Văn Thành
là: Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận 10.
CHỨNG THỰC
Ông: NGUYỄN VĂN KIÊN
là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực: 00022762
Certification No:
Quyển số: 03 /SCT/CKND
Book No: 03 /SCT/CKND

Ngày 30 tháng 03 năm 2022
(Ngày ba mươi, tháng ba, năm hai nghìn hai mươi hai)
March 30, 2022
(The Thirtieth, March, Two thousand twenty-two)

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TƯ PHÁP
QUẬN 10 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Thành

Trang/ *Page No*: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220300111-5

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 02/03/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 02/03/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 07/03/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **KẸO XỐP - WAITROSE & PARTNERS**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220300111-5

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.007	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-02:2018(Ref. TCVN 10912:2015 AOAC 2015.01 FDA 4.7 version 1.1 (3/2015))
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
4	Tổng số nấm men (*) / Total yeasts (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
5	Tổng số nấm mốc (*) / Total moulds (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
6	Enterobacteriaceae (*) / Enterobacteriaceae (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	ISO 21528-2:2017
7	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	-	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)

Chú thích/ *Remarks*:
1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG